

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 30-5-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ta;
2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn Th, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Bùi Văn T (Bùi Văn Đ), sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã LT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Bà Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: ấp L, xã LT, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Th có mặt tại phiên tòa, ông T, bà L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trương Văn Th trình bày: Vào năm 2017, ông có bán cá rô phi cho ông Bùi Văn T, ông và ông T thỏa thuận giá bán 25.000

đồng/kg, tổng số cá bán được 21.000kg, thành tiền là 525.000.000 đồng. Sau khi cân cá xong ông T có trả cho ông được ba lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất trả 310.000.000 đồng, lần thứ hai trả được 95.000.000 đồng và lần thứ ba ông T trả được 10.000.000 đồng, tổng cộng ông T trả cho ông được 415.000.000 đồng, còn nợ lại ông 110.000.000 đồng. Ông T không trả nên ông có kiện tại Ủy ban nhân dân xã LT, khi Ủy ban nhân dân xã LT mời hai bên làm việc thì ông T thừa nhận nợ ông 110.000.000 đồng và hứa đến ngày 02/10/2017 ông T sẽ trả tiền cho ông nhưng ông T không trả. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T trả cho ông 110.000.000 đồng tiền mua cá rô phi còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Bùi Văn T: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông Bùi Văn T không đến Tòa án tham gia hòa giải, phiên tòa và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến. Trong biên bản thỏa thuận trả nợ tiền mua cá rô phi ngày 02/10/2017 ông Bùi Văn T thừa nhận có nợ của ông Trương Văn Th số tiền 120.000.000 đồng và trả trước 10.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng trả dần hàng tháng vào ngày 02 dương lịch hàng tháng, mỗi lần trả tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai của người làm chứng, bà Võ Thị Ngọc L trình bày: Bà là vợ ông Bùi Văn T. Bà và ông T cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LT. Việc làm ăn của ông T chồng bà, bà không biết, có tiền dư hay không bà cũng không biết vì ông T không đem tiền về nhà lo cho vợ con. Hiện ông T không có ở nhà, nhưng ông T ở đâu bà không biết, vợ chồng cũng thường xuyên liên lạc bằng điện thoại, khi bà hỏi ông T ở đâu thì ông T nói nơi ở khác nhau, không ở cố định. Việc ông T thiếu tiền mua cá của ông Th bà không hề biết.

Ý kiến của Viện kiểm sát, từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Văn Th, buộc ông Bùi Văn T (Bùi Văn Đ) có trách nhiệm trả lại cho ông Trương Văn Th 110.000.000 đồng tiền mua cá còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Bị đơn Bùi Văn T vắng mặt lần thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, người khởi kiện Trương Văn Th cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn Bùi Văn T là đúng địa chỉ cư trú của bị đơn nhưng bị đơn Bùi Văn T thường xuyên thay

đổi nơi cư trú được chứng minh bằng lời trình bày của người làm chứng Võ Thị Ngọc L và cũng là vợ ông Bùi Văn T theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 13 tháng 3 năm 2019 (Bút lục số 21) mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Người làm chứng Võ Thị Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, ông Trương Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Văn T trả cho ông 110.000.000 đồng tiền mua cá rô phi còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu của ông Trương Văn Th có đủ cơ sở để chấp nhận vì: Việc mua bán cá rô phi của ông Trương Văn Th với ông Bùi Văn T là có thật và được chứng minh bằng Biên nhận ngày 06/01/2017 do ông Bùi Văn T làm cho ông Th. Mặt khác, việc ông Bùi Văn T còn nợ ông Trương Văn Th số tiền 110.000.000 đồng cũng được chứng minh bằng biên bản thỏa thuận giữa ông Th với ông T tại Ủy ban nhân dân xã LT và ông T hứa trả nợ tiền mua cá rô phi ngày 02/10/2017. Từ các chứng cứ vừa nêu trên đã có đủ căn cứ chứng minh ông Bùi Văn T nợ ông Trương Văn Th 110.000.000 đồng tiền mua cá rô phi còn nợ nên chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn Th buộc ông Bùi Văn T trả cho ông Trương Văn Th 110.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Cần áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th được Tòa án chấp nhận nên ông Bùi Văn T (Bùi Văn Đ) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227, 229; Khoản 1 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Th.

2. Buộc ông Bùi Văn T (Bùi Văn Đ) trả cho ông Trương Văn Th 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1 Ông Trương Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Trương Văn Th 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: BG/2015 0004136 ngày 20/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

4.2 Ông Bùi Văn T (Bùi Văn Đ) phải chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc